

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 31 - 01 - 2018
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Lê Văn Vượng

Ông (Bà) Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thuý Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K** – sinh năm: 1971
Địa chỉ cư trú: Số 814, Ấp BT, xã BQ, huyện CT, tỉnh Long An (*Xin vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu H** – sinh năm: 1970
Địa chỉ cư trú: Số 9, QT, k4, p5, Tp.M, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Năm 1988 chị K anh H tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm thường xuyên xích mích cự cãi, hai người đã ly thân từ 2012 đến nay. Nay anh chị đều yêu cầu Toà án cho anh chị được ly hôn nhau.

Về con chung: Anh chị xác định có 03 đứa tên Nguyễn P, sinh năm 1990; Nguyễn Ha, sinh năm 1996; Nguyễn Hữu Hi, sinh năm 2006 các con đang sống chung với chị Kiều. Khi ly hôn hai con P, Ha đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng, còn cháu Hi anh chị thỏa thuận giao chị K tiếp tục nuôi, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi Hi 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Quá trình chuẩn bị xét xử chị K có bản khai và đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải và xét xử vắng mặt chị, theo quy định tại điều 227,228 của BLTTDS Tòa án chấp nhận yêu cầu này và tiến hành xét xử vắng mặt chị.

[2] Mặc dù hôn nhân của chị K anh H được xác lập năm 1988 cách nay đã lâu và hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị lại không ĐKKH theo quy định của pháp luật, theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ thì hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, nhà nước không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị cho dù anh chị đã thoả thuận ly hôn.

[3] Về con chung: Hai người con lớn của anh chị là P và Ha đã lớn trên 18 tuổi tự lao động kiếm sống được nên không đặt ra việc nuôi dưỡng, đối với cháu Hi đến nay hơn 11 tuổi, theo quy định tại điều 81 Luật HNGĐ ngày 24/01/2018 cháu tự viết bản khai dưới sự giám hộ của mẹ là chị K, cháu thể hiện ý chí muốn sống với mẹ, nguyện vọng của các cháu phù hợp với thoả thuận của anh chị trong việc giao con cho chị K nuôi và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị K có yêu cầu được anh H chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu Hi 1.000.000đ/tháng, đây là thoả thuận của anh chị về việc cấp dưỡng nuôi con, thoả thuận này là hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và tạo điều kiện cho chị K nuôi con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị anh chị khai không có.

[5] Về án phí HNGĐ chị K phải nộp - Án phí cấp dưỡng nuôi con anh H phải nộp - Theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 53,14,15,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Công nhận thoả thuận của anh chị tiếp tục giao cháu Nguyễn Hi, sinh ngày 28/11/2006 cho chị K trực tiếp nuôi. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con (Hi) 1.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực đến khi con tròn 18 tuổi tự lao động kiếm sống được. Anh H được phép tới lui thăm và dạy con không ai được ngăn cản, ngược lại anh H không được lợi dụng vào việc thăm con để gây cản trở đến việc chị K nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có .

4. Án phí hôn nhân và gia đình chị K phải nộp 300.000đ, ngày 17/01/2018 chị đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0246 được giữ y sung quỹ nhà nước. Anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế